BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2010

Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật An Giang
Địa chỉ tại: 23 đường Hà Hoàng Hổ, phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại số: +84 76 3841299 Fax: +84 76 3841327
Đại diện bởi: ông Huỳnh Văn Thòn Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1600192619
Đăng ký lần đầu: ngày 27/09/2004 và đăng ký sửa đổi lần thứ 15: ngày 25/10/2010 – tại An Giang.

I. Lịch sử hoạt động của Công ty:

1) *Những sự kiện quan trọng:*

- Xuất thân từ Chi cục BVTV tỉnh An Giang, Công ty Dịch vụ bảo vệ thực vật An Giang được thành lập năm 1993 và được cổ phần hóa vào tháng 9 năm 2004 với vốn điều lệ 150 tỷ đồng. Từ một đơn vị kinh doanh nhỏ chỉ với 23 người, đến nay, Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật An Giang đã trở thành nhà phân phối dẫn đầu thị trường Việt Nam trong lĩnh vực nông nghiệp, với đội ngũ nhân viên trên 1.600 người.
- Tháng 9/2010: Công ty tăng vốn điều lệ từ 270 tỷ đồng lên 310,5 tỷ đồng bằng phương thức phát hành riêng lẻ cho đối tác lớn và phát hành cho CB-CNV.
- Tháng 10/2010: Công ty tăng vốn điều lệ từ 310,5 tỷ đồng lên 621 tỷ đồng bằng phương thức chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.
- Hội đồng quản trị dự kiến niêm yết cổ phiếu AGPPS trên HoSE vào quý 2/2011.

2) *Quá trình phát triển công ty:*

(a) Ngành nghề kinh doanh:

- Thuốc bảo vệ thực vật;
- Giống cây trồng;
- Bao bì giấy các loại;
- Các dịch vụ du lịch;
- Lương thực.

(b) Tình hình hoạt động:

❖ Tình hình kinh doanh:

- Doanh thu năm 2010 đạt 4.075 tỷ, tăng 23% so 2009, đạt 106% kế hoạch.
- Tận dụng tối đa các cơ hội kinh doanh để tăng doanh số, gia tăng thị phần, nới rộng khoảng cách so với các công ty cạnh tranh bằng các chính sách bán hàng cạnh tranh, hoạt động tạo lực hút, quản lý mạng lưới bán lẻ;
- Điều hành trên quan điểm an toàn tài chính, quản lý rủi ro trên hệ thống phân phối bằng các chính sách, công cụ tài chính linh hoạt cho từng thời kỳ, thích ứng với diễn biến vĩ mô của nền kinh tế;
- Thành lập công ty TNHH Bảo vệ thực vật An Giang - Campuchia (AGPPCam) để chính thức bán hàng tại thị trường mới, giàu tiềm năng trong tương lai;
- Trại Lương An Trà đã đi vào sản xuất và tiếp tục được cải tạo;
- Ký hợp đồng, đầu tư cho nông dân, kiểm soát được toàn bộ quá trình sản xuất vùng nguyên liệu 1.200 ha trong vụ ĐX 10-11; vụ HT 2011 mở rộng lên 2.000 ha; chính thức tham gia vào khâu dịch vụ sau thu hoạch (mua, sấy, tồn trữ, chế biến, xuất khẩu) →Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu tại Vĩnh Bình (Châu Thành, An Giang) với công suất chế biến 100.000 tấn lúa/năm.

❖ Hoạt động tài chính:

- Quản lý tốt nguồn vốn;
- Quản lý tốt rủi ro về tỷ giá;
- Đầu tư vào Công ty Angimex:

- Kết quả kinh doanh Angimex năm 2010 cũng tương đối khả quan. Doanh số đạt 1.972 tỷ (97% so 2009, 78% so kế hoạch), lợi nhuận trước thuế đạt 100,8 tỷ (112% so 2009, 168% so kế hoạch), EPS đạt 12.780 đồng, chi cổ tức bằng tiền mặt 30%;
- Nhận cổ phiếu thưởng ngày 14/12/2010 theo tỷ lệ 1:2 → sở hữu 900.000 cổ phần (chiếm 5,15%).

- Đầu tư tài chính vào Quỹ đầu tư doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam (VF4):
  - Thị trường chứng khoán Việt Nam có những bước phục hồi, công ty dự kiến bán chứng chỉ quỹ VF4 nhưng chưa thực hiện được vì điều kiện chưa thuận lợi;
  - Nhận cổ tức bằng tiền mặt ngày 24/5/2010: 5 tỷ.

❖ Cùng nông dân ra đồng (CNDRĐ):

Chương trình CNDRĐ đã phát triển lên 1.864 điểm với 44 mô hình và 378 FF làm việc với nông dân và đại lý bán lẻ cả nước, đặc biệt phát triển sang Campuchia:

- Chuyển giao KHKT, 3 cùng với nông dân;
- Dự báo dịch hại;
- Tạo lực hút: hội thảo, tọa đàm, v.v.;
- Nắm thông tin thị trường và đối thủ cạnh tranh;
- Tư vấn kỹ thuật tại chỗ, trang trí cửa hàng bán lẻ;
- Theo dõi, đôn đốc tình hình thực hiện mặt hàng của bán lẻ;
- Giao quà khuyến mãi tận nơi;
- Phát triển vùng nguyên liệu;
- Phát động bảo vệ môi trường.

❖ Cùng nông dân chăm sóc sức khỏe:

- Quỹ Chăm sóc sức khỏe nông dân, được tiếp sức bởi nguồn kinh phí được Đại hội đồng cổ đông 2010 thông qua, phối hợp với 19 bệnh viện với hơn 200 lượt y bác sĩ tình nguyện, đã tổ chức 66 chuyến công tác, khám và phát thuốc được gần 55,000 nông dân, phẫu thuật mắt gần 1.000 ca;
- Quỹ cũng phối hợp tặng 2.000 phần quà cho bà con nông dân nghèo.

❖ Cùng nông dân vui chơi giải trí:

- Chăm lo đời sống tinh thần, tạo điều kiện cho nông dân sinh hoạt, giao lưu văn nghệ; khám phá và trao đổi văn hóa: tổ chức các sự kiện văn hóa, văn nghệ, tổ chức các chuyến du lịch nông dân, v.v..;
- Khởi động dự án sân chơi cho nông dân "Vui cùng nhà nông".

❖ Cùng nông dân đón Tết:

- Tặng 20.000 phần quà Tết Tân Mão cho bà con nông dân nghèo các tỉnh ĐBSCL cũng như nông dân trong điểm, mô hình của chương trình CNDRĐ;
- Chương trình được sự ủng hộ và đánh giá cao của cộng đồng và xã hội, sự đồng hành của nhiều đơn vị: quân khu 9, chính quyền các địa phương, v.v.;
- Tổ chức 4 điểm Cùng nông dân ăn Tết tại Vĩnh Bình (An Giang), U Minh Thượng (Kiên Giang), Tam Bình (Vĩnh Long), Mộc Hóa (Long An) với quy mô 300 → 800 người.

3) Định hướng phát triển:

❖ Định hướng nhà cung ứng dịch vụ dẫn đầu trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển mở rộng theo chuỗi giá trị dựa trên năng lực cốt lõi, bao gồm các giải pháp trọn gói: giống, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, dịch vụ nông nghiệp, chế biến nông sản và tiêu thụ nông sản. Định hướng này được thực hiện dựa trên nền tảng phát triển chương trình Hướng về nông dân với 3 hợp phần chính: cùng nông dân ra đồng, cùng nông dân chăm sóc sức khỏe, cùng nông dân vui chơi, giải trí;

❖ Phát triển nguồn nhân lực, đào tạo đội ngũ kế thừa;

❖ Củng cố và phát triển quan hệ đối tác chiến lược, đồng hành trong việc phát triển sản phẩm, gia tăng thị phần, giữ vững vị trí dẫn đầu;

- ❖ Tiếp tục định hướng phát triển trên cơ sở an toàn tài chính, quản lý rủi ro;
- ❖ Tìm kiếm, chọn lọc các nguồn cung cấp hàng bên cạnh việc kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất để giảm giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh;
- ❖ Tăng cường công tác quản lý hệ thống phân phối (củng cố hệ thống đại lý cấp 1; tiếp cận, thiết lập quan hệ, quản lý mạng lưới bán lẻ);
- ❖ Phát triển ngành lương thực: xây dựng nhà máy, phát triển vùng nguyên liệu, tìm kiếm bạn hàng xuất khẩu, xây dựng thương hiệu gạo nội địa, v.v.;
- ❖ Nghiên cứu phát triển các ngành khác để hoàn thiện chuỗi dịch vụ nông nghiệp (phân bón, cơ khí nông nghiệp, v.v.);
- ❖ Phát triển mạnh thị trường Campuchia:
  - Thành lập công ty AGPPCam: tổ chức hệ thống phân phối, bán hàng trực tiếp; tổ chức sản xuất giống ở Campuchia; cung ứng dịch vụ nông nghiệp trọn gói (giống, thuốc BVTV, phân bón, dịch vụ chuyển giao tiến bộ KHKT, v.v.);
  - Phát triển "Cùng nông dân ra đồng" và các hoạt động cộng đồng đã thực hiện ở Campuchia;
  - Đồng hành CLB HVNCLC và BSA tổ chức hội chợ và phiên chợ nông thôn ở Campuchia.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị công ty:

1) Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2010:

- ❖ Doanh số năm 2010 đạt 4.075 tỷ đồng, tăng 23% so với năm 2009 và đạt 106% kế hoạch.
- ❖ Lợi nhuận trước thuế năm 2010 đạt 358,8 tỷ đồng, giảm 3% so với năm 2009 và đạt 124% kế hoạch.
- ❖ Thực hiện chi trả cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 1:1, tăng vốn điều lệ lên 621 tỷ đồng; chi trả cổ tức bằng tiền mặt (dự kiến): 20%.
- ❖ Một số danh hiệu đạt được trong năm 2010:
  - Hàng Việt Nam chất lượng cao năm thứ 6 liên tiếp, đứng đầu ngành thuốc BVTV;
  - Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam lần thứ 3 liên tiếp (hạng 165), doanh nghiệp trong nước duy nhất ngành thuốc BVTV nằm trong danh sách. Top 50 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (hạng 36);
  - Nhận cúp "Điển hình tiến tiến toàn quốc về bảo vệ môi trường 2010" của Bộ TN-MT;
  - "Nhịp cầu nhà nông" nhận kỷ lục Guinness Viêt Nam chương trình khoa giáo dài hơi nhất (10 năm)

2) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

ĐVT: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	KH 2010	TH2010	TH 10/KH 10
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.850	4.075,6	105,9%
2	Doanh thu thuần	3.805	4.062,2	106,8%
3	Lợi nhuận trước thuế	290	358,8	123,7%

III. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc:

1) Báo cáo tình hình tài chính:

- ❖ Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	**Tỷ suất lợi nhuận**	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản		21,33	16,65
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần		10,33	7,60
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu		51,43	29,19
2	**Khả năng thanh toán**	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		1,18	1,62
	- Khả năng thanh toán hiện hành		1,77	2,34

- ❖ Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010: 17.030 đồng/cổ phiếu.
- ❖ Tổng số cổ phiếu: 62.100.000 cổ phiếu phổ thông.
- ❖ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 62.100.000 cổ phiếu.
- ❖ Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: chi trả cổ phần thưởng theo tỷ lệ 1:1, chưa thực hiện chia cổ tức.

2) Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.075,6	3.312,4
2. Các khoản giảm trừ	13,4	136,1
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.062,1	3.176,3
4. Giá vốn hàng bán	2.950,6	2.263,9
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.111,6	912,5
6. Chi phí bán hàng	433,8	261,4
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	217,67	233,9
8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	358,8	370,7

3) Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

Chiến lược phát triển của Công ty xuất phát từ mục tiêu kinh doanh rõ ràng, cụ thể. Việc phát triển kinh doanh dựa trên nền tảng cơ sở cho sự tăng trưởng bền vững và luôn giữ thế chủ động trong hoạt động kinh doanh, với các biện pháp và phương thức kinh doanh được triển khai phù hợp cho từng giai đoạn, cụ thể như sau:

- ❖ Ban lãnh đạo Công ty có quyết tâm cao, nhanh nhạy và quyết đoán trong việc xử lý công việc;
- ❖ Đạt mục tiêu lợi nhuận, tận dụng tối đa các cơ hội kinh doanh để tăng doanh số, gia tăng thị phần, nới rộng khoảng cách so với các công ty cạnh tranh bằng các chính sách bán hàng cạnh tranh và các hoạt động tạo lực hút khác biệt;
- ❖ Hiện tại, hệ thống phân phối của công ty đã được phát triển trên cả nước gồm: 5 vùng; 24 chi nhánh;
- ❖ Phát triển các chương trình hướng về nông dân;
- ❖ Mở rộng thị trường sang Campuchia;
- ❖ Tham gia ngành lương thực, hoàn thiện khâu cuối cùng của chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp;
- ❖ Điều hành, quản lý Công ty theo hệ thống bằng các quy chế, quy trình công việc.

4) Kế hoạch phát triển năm 2011:

ĐVT: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	TH 2010	KH 2011	Tăng-giảm
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.075,6	4.681	115%
2	Doanh thu thuần	4.062,2	4661	115%
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	358,8	414	116%
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	308,7	352	114%

IV. Báo cáo tài chính, bản giải trình và báo cáo kiểm toán 2010: (đính kèm)

V. Các nhận xét của Ban kiểm soát:

- Số liệu báo cáo tài chính của Công ty năm 2010 phản ánh trung thực hợp lý tình hình tài chính của Công ty và tuân thủ luật và chuẩn mực kế toán hiện hành. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành thực hiện đúng quy chế, nghị quyết, phù hợp với pháp luật nhà nước và điều lệ Công ty.
- Trong năm 2010, đứng trước tình hình diễn biến phức tạp của cuộc khủng hoảng tài chính làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện kế hoạch phát triển Công ty, Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc tập trung nguồn lực để củng cố hoạt động kinh doanh và phát triển bền vững, cụ thể mở thêm ngành chế biến xuất khẩu gạo, đầu tư vùng nguyên liệu và quản lý chất lượng khép kín theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng sản phẩm của Công ty. Đây sẽ là ngành trọng yếu trong thời gian tới, và tạo thế phát triển bền vững theo chuỗi sản phẩm của Công ty.

VI. Tổ chức và nhân sự:

1) Cơ cấu tổ chức của công ty:

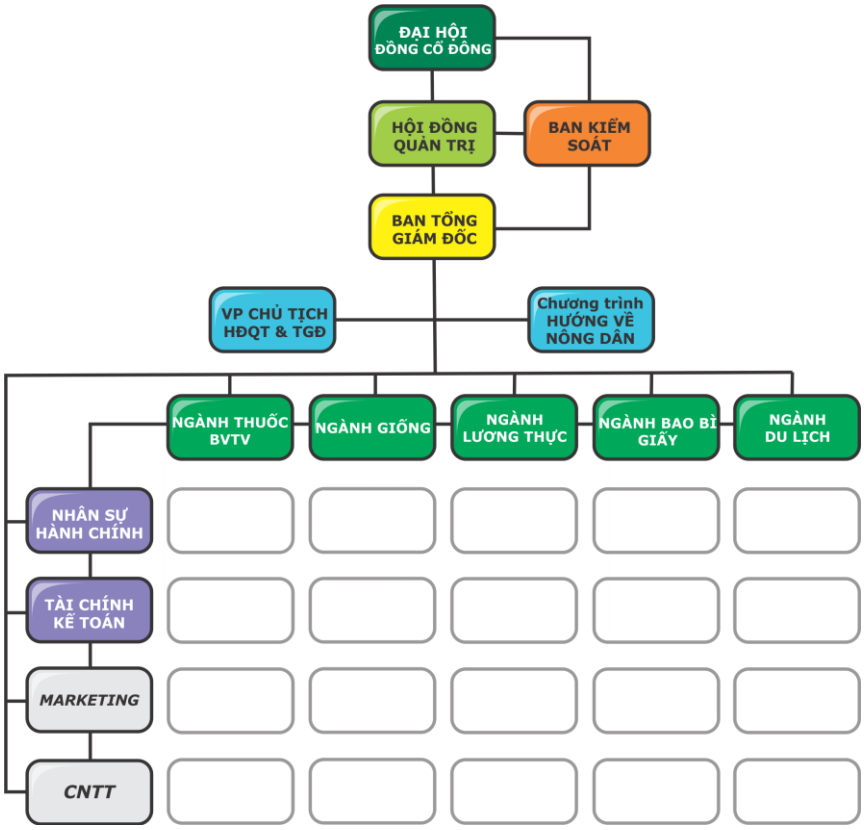

2) Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

1. Huỳnh Văn Thòn – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 09/09/1958
- Nơi sinh: xã Long Phú, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang
- Tốt nghiệp đại học chuyên ngành kinh tế nông nghiệp
- Quá trình công tác đã qua:

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công tác
1985 - 1988	Sở Nông nghiệp tỉnh An Giang	Phụ trách phòng kế hoạch
1988 - 1990	UBND tỉnh An Giang Sở Nông nghiệp tỉnh An Giang	Trợ lý của Phó Chủ tịch tỉnh kiêm Giám đốc Sở nông nghiệp
1991 -1993	Sở Nông nghiệp tỉnh An Giang	Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp kiêm

	Chi cục BVTV tỉnh An Giang	Chi cục trưởng
1995 - 2004	Công ty Dịch vụ BVTV An Giang	Giám đốc
2004 - nay	**Công ty cổ phần BVTV An Giang**	**Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc**

2. Nguyễn Đình Lê – Phó Tổng giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 01/01/1955
- Nơi sinh: xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định
- Tốt nghiệp đại học chuyên ngành trồng trọt
- Quá trình công tác đã qua:

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công tác
1982 - 1987	Công ty Dịch vụ Kỹ thuật nông nghiệp An Giang	Phụ trách kỹ thuật
1988 - 1993	Chi cục BVTV tỉnh An Giang	Chi cục phó
1993 - 2004	Công ty Dịch vụ BVTV An Giang	Phó Giám đốc
2004 - nay	**Công ty cổ phần BVTV An Giang**	**Phó Chủ tịch HĐQT, Phó tổng giám đốc thường trực**

3. Nguyễn Duy Long – Phó Tổng giám đốc:

- Ngày tháng năm sinh: 14/08/1970
- Nơi sinh: Hưng Yên
- Tốt nghiệp kỹ sư cơ khí Đại học Bách khoa. Tp. HCM, cao học kinh tế phát triển
- Quá trình công tác đã qua:

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công tác
1994 - 1995	Phân xưởng sản xuất thuốc lá 555	Kỹ thuật viên
1995 - 1997	Đại học Kinh tế Tp. HCM	Học đại học (bằng 2)
1997 - 1998	Toyota Savico	Phụ trách trạm bảo hành
1998 - 06/1999	Fulbright Economy Teaching Program	Học chương trình sau đại học
07 - 11/1999	Công ty Dịch vụ BVTV An Giang	Giám đốc Nhà máy Bao bì giấy
12/1999 - 2000	Công ty Dịch vụ BVTV An Giang	Trợ lý Phó giám đốc thường trực
2000 - 06/2001	Công ty Dịch vụ BVTV An Giang	Phụ trách công tác đào tạo
06 - 12/2001	Công ty Giống Đông Tây	Giám đốc Kinh doanh
2002 - 2004	Công ty Dịch vụ BVTV An Giang	Phó phòng Nghiên cứu chiến lược kiêm Phó GĐ Trung tâm Sao Việt
2004 - 2006	Công ty Dịch vụ BVTV An Giang	Trợ lý Tổng giám đốc về lĩnh vực tài chính kiêm Phó GĐ BP Marketing
2006 - 03/2010	Công ty cổ phần BVTV An Giang	Kế toán trưởng Giám đốc BP Tài chính - Kế toán Chánh văn phòng HĐQT & BTGĐ Thư ký Hội đồng quản trị

04/2010 - nay	**Công ty cổ phần BVTV An Giang**	**Phó Tổng giám đốc kiêm Thư ký Hội đồng quản trị**

4. Nguyễn Mỹ – Phó Tổng giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 24/11/1962
- Nơi sinh: Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Chuyên ngành cơ khí nông nghiệp
- Quá trình công tác đã qua

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công tác
1984 - 1993	Chi cục BVTV tỉnh An Giang	Nhân viên
1993 - 1996	Chi cục BVTV tỉnh An Giang	Trưởng trạm
1997 - 2000	Công ty Dịch vụ BVTV An Giang	Giám đốc Chi nhánh Tp. HCM
2000 - 2003	Công ty Dịch vụ BVTV An Giang	Phó văn phòng đại diện tại Tp.HCM
2003 - 2004	Công ty cổ phần BVTV An Giang	Phó khối kinh doanh ngành thuốc bảo vệ thực vật
2004 - 2006	Công ty cổ phần BVTV An Giang	Phó khối kinh doanh ngành thuốc bảo vệ thực vật Giám đốc chi nhánh An Giang Thành viên Hội đồng quản trị
2006 - 03/2010	Công ty cổ phần BVTV An Giang	Phó Giám đốc ngành thuốc BVTV Thành viên Hội đồng quản trị
04/2010 - nay	**Công ty cổ phần BVTV An Giang**	**Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Phó Giám đốc ngành thuốc bảo vệ thực vật**

5. Lê Phước Đức – Phó Tổng giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 25/09/1956
- Nơi sinh: xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang
- Tốt nghiệp đại học chuyên ngành trồng trọt
- Quá trình công tác đã qua

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công tác
1979 - 1981	Đại học Cần Thơ	Cán bộ tập sự giảng dạy
1981 - 1984	Công ty Giống tỉnh An Giang	Cán bộ kỹ thuật
1984 - 1990	Công ty Chuyên doanh nông sản tỉnh An Giang	Trưởng phòng Kinh doanh
1990 - 1992	Sở Nông nghiệp tỉnh An Giang	Chuyên viên
1992 - 2004	Công ty Dịch vụ BVTV An Giang	Cán bộ kỹ thuật Phó phòng Kinh doanh Giám đốc Chi nhánh tại Tp. HCM
2004 - 2006	Công ty cổ phần BVTV An Giang	Phó Tổng giám đốc Giám đốc Trung tâm NC&SX giống

		Thành viên Hội đồng quản trị
2006 - 03/2010	Công ty cổ phần BVTV An Giang	Giám đốc Trung tâm NC&SX giống Thành viên Hội đồng quản trị
04/2010 - nay	**Công ty cổ phần BVTV An Giang**	**Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm NC&SX giống**

6. Hồ Thanh Sơn – Phó tổng giám đốc:

- Ngày tháng năm sinh: 03/01/1955
- Nơi sinh: xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang
- Tốt nghiệp đại học chuyên ngành kinh tế nông nghiệp
- Quá trình công tác đã qua

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công tác
1984 - 1986	Công ty Thủy sản huyện Phú Tân	Phó phòng KTKH
1987 - 1988	Công ty Thủy sản huyện Phú Tân	Phó giám đốc
1988 - 1989	Phòng Nông nghiệp huyện Phú Tân, An Giang	Phó phòng
1990 - 1992	Chi cục BVTV tỉnh An Giang	Phó phòng kinh doanh
1992 - 1993	Chi cục BVTV tỉnh An Giang	Trưởng phòng kinh doanh
1993 - 1996	Công ty Dịch vụ BVTV An Giang	Trưởng phòng kinh doanh
1996 - 1997	Công ty Dịch vụ BVTV An Giang	Giám đốc chi nhánh Tp. HCM
1998 - 2001	Công ty Dịch vụ BVTV An Giang	Trưởng phòng kinh doanh
2001 - 2006	Công ty Dịch vụ BVTV An Giang	Kế toán trưởng
2006 - nay	**Công ty Cổ phần BVTV An Giang**	**Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc**

***3) Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm**: không có*

***4) Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động**:*

Tính đến thời điểm 31/12/2010, tổng số lao động của công ty là 1.608 người. Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo đúng quy định Bộ luật lao động.

VII. Thông tin cổ đông Công ty tính đến thời điểm 31/12/2010:

1) Hội đồng quản trị:

TT	Họ tên	Năm sinh	Chức vụ trong Cty	Địa chỉ liên lạc	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Huỳnh Văn Thòn	1958	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Số 14, Cống Quỳnh, P.Nguyễn Cư Trinh, Q. 1, Tp. HCM	857.100	1,38
2	Nguyễn Đình Lê	1955	Phó Chủ tịch HĐQT,Phó TGĐ thường trực	Số 23, Hà Hoàng Hổ, P.Mỹ Xuyên, Tp.Long Xuyên, An Giang	516.420	0,83
3	Hồ Thanh Sơn	1955	Thành viên HĐQT,	6A2 Khóm Bình Thới, P. Bình	172.100	0,28

			Phó TGĐ	Khánh, Tp.Long Xuyên, An Giang		
4	Lê Phước Đức	1956	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ	Số 7/3 Lê Hồng Phong, P. Mỹ Bình, Tp.Long Xuyên, An Giang	326.040	0,53
5	Nguyễn Mỹ	1962	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ	Số 19/8 Nguyễn Du, P. Mỹ Bình, Tp.Long Xuyên, An Giang	150.000	0,24
6	Trần Văn Thến	1959	Thành viên HĐQT, PGĐ Ngành Thuốc	Số 1/12 Nguyễn Xí, P. Mỹ Bình, Tp.Long Xuyên, An Giang	318.400	0,51
7	Huỳnh Quốc Hứng	1957	Thành viên HĐQT, Giám đốc BP.NS-HC	Số 22/12C Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Phước, Tp.Long Xuyên, An Giang	317.680	0,51
8	Tiêu Minh Tâm	1955	Thành viên HĐQT, TP.CGKT	Số 1A Nguyễn Thái Học, P.Mỹ Bình, Tp.Long Xuyên, An Giang	217.360	0,35

2) Ban kiểm soát:

Stt	Họ tên	Năm sinh	Chức vụ trong Cty	Địa chỉ liên lạc	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Lê Thu Hiền	1962	Giám đốc Nhà máy Bao bì giấy	Số 7A2 Trần Nguyên Hãn, Tp.Long Xuyên, An Giang	40.000	0,06
2	Phạm Tùng Chinh	1963	PGĐ Ngành Giống	Ấp Vĩnh Lộc, thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, An Giang	146.240	0,24
3	Võ Thị Thùy Tiên	1961	Kế toán trưởng VPĐD kiêm Tổ trưởng Tổ quản lý cổ đông	Số 112 Cao Thắng, P. 17, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM	10.170	0,02

3) Cổ đông Nhà nước:

Stt	Tên tổ chức	Ngành nghề kinh doanh	Địa chỉ liên hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	Số 15A, Trần Khánh Dư, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội	16.221.600	26,12

4) Cổ đông lớn:

Stt	Tên tổ chức	Ngành nghề kinh doanh	Địa chỉ liên hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	VIETNAM HOLDING LTD	Đầu tư CK	Phòng 1202 tầng 12, Fideco Tower- Số 81-85 Hàm Nghi, Q.1, Tp. HCM	4.237.320	6,82
2	VIETNAM AZALEA FUND LIMITED	Đầu tư CK	Mekong Capital Ltd., Số 6 Thái Văn Lung, Lầu 8 Capital Place, Q.1, Tp. HCM	4.075.950	6,56
3	EPSOM LIMITED	Đầu tư CK	Duxton Asset Management Pte Ltd of 1A Duxton Hill, Singapore 089587	3.900.000	6,28

5) Cổ đông nước ngoài:

Tính đến thời điểm 31/12/2010, tổng số cổ đông nước ngoài là 8 cổ đông và chiếm 35,07% tổng số cổ phần

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH (đã ký)
Huỳnh Văn Thòn